

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HAI BÀ TRUNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/KDTM-ST

Ngày 12/10/2021

V/v : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Liên Sơn

*Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Phạm Thị Bích Hợp

2/ Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Thủy- Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thùy Linh- Kiểm sát viên

Ngày 12/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại, thụ lý số 83/2020/KDTM-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020, về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐST-KDTM ngày 01/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-KDTM ngày 21/7/2021; Thông báo không mở phiên tòa ngày 30/7/2021; Thông báo mở lại phiên tòa ngày 22/9/2021; giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N**

Trụ sở: Số 198 phố T, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Quang D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Kiên Đ- Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàng Mai;

*Người được ủy quyền lại:* bà Nguyễn Thị Hồng Minh; bà Lê Thị Phương; ông Hoàng Thanh Tùng- Cán bộ phòng Khách hàng doanh nghiệp;( Có mặt)

**2. Bị đơn: Công ty Cổ phần F; ( Vắng mặt)**

Trụ sở theo Đăng ký doanh nghiệp: Tầng 21 Capital Tower, số 109 T, phường C, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Trọng H- Giám đốc;

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Ngô Minh K- Sinh 1976; ( Vắng mặt)

3.2. Bà Lương Thị Vân G- Sinh 1981; ( Có mặt)

Cùng trú tại: phòng 1123 B4b, Khu đô thị RoyalCity Nguyễn Trãi, Hà Nội;

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là Vietcombank) trình bày:*

Công ty Cổ phần F ( viết tắt là Công ty F) có trụ sở theo đăng ký doanh nghiệp tại tầng 21 Capital Tower, số 109 T, phường C, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngày 31/5/2019, Công ty Five9 và Vietcombank ký kết Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HĐCV/HM/VCB.HGM-FIVE9. Theo hợp đồng, hạn mức cho vay của Công ty Five9 là 50 tỷ đồng; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Mục đích vay vốn: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; Đồng tiền cho vay là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ( khách hàng được quyền đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn cho vay bằng nhiều đồng tiền khác nhau khi ngân hàng chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật. trong trường hợp này, ngân hàng có quyền quy đổi trên danh nghĩa số tiền giải ngân về một đồng tiền theo tỷ giá do ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi nhằm quản lý hạn mức cho vay quy định tại khoản 2.1 Điều này); Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn là 130% lãi suất cho vay trong hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là Căn nhà vườn số 9, dự án Packexim, số 49 ngõ 15 đường A, phường P, quận Tây Hồ, Hà Nội, theo Hợp đồng thế chấp số 101318 ký ngày 09/02/2018, giữa Ngân hàng và ông Ngô Minh K, bà Lương Thị Vân G. Giải quyết tranh chấp: tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam nơi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hoàng Mai có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện.

Thực hiện hợp đồng, Vietcombank đã giải ngân cho Công ty F số tiền vay theo các Giấy nhận nợ cụ thể như sau:

Giấy nhận nợ 09/2019/F9VCB ngày 19/12/2019: số tiền vay 500.000USD ( Năm trăm nghìn Đô la Mỹ); Thời hạn vay 06 tháng; Lãi suất cố định 3,6%/năm. Khoản nợ này, Công ty F không trả được đồng gốc nào. Đến ngày khởi kiện, Công ty F còn nợ khoản nợ gốc 500.000USD( Năm trăm nghìn Đô la Mỹ).

Giấy nhận nợ 08/2019/F9VCB ngày 10/12/2019: số tiền vay 700.000USD ( Bảy trăm nghìn Đô la Mỹ); Thời hạn vay 06 tháng; Lãi suất cố định 3,6%/năm. Khoản nợ này, Công ty F không trả được đồng gốc nào. Đến ngày khởi kiện, Công ty F còn nợ khoản nợ gốc 700.000USD( Bảy trăm nghìn Đô la Mỹ).

Giấy nhận nợ 07/2019/F9VCB ngày 04/12/2019: số tiền vay 400.000USD ( Bốn trăm nghìn Đô la Mỹ); Thời hạn vay 06 tháng; Lãi suất cố định 3,6%/năm. Khoản nợ này, Công ty F không trả được đồng gốc nào. Đến ngày khởi kiện, Công ty F còn nợ khoản nợ gốc 400.000USD( Bốn trăm nghìn Đô la Mỹ).

Giấy nhận nợ 06/2019/F9VCB ngày 08/11/2019: số tiền vay 520.000USD ( Năm trăm hai mươi nghìn Đô la Mỹ); Thời hạn vay 06 tháng; Lãi suất cố định 3,6%/năm. Đến hạn trả nợ, Công ty F không trả hết được khoản nợ gốc, lãi theo thỏa thuận. Đến ngày khởi kiện, Công ty F còn nợ khoản nợ gốc 164.504.26USD( Một trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm linh bốn Đô la Mỹ hai mươi sáu Cent).

Tổng số tiền gốc Công ty F còn nợ Vietcombank là 1.764.504.26( Một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm linh bốn Đô la Mỹ hai mươi sáu Cent). Số tiền lãi tính đến ngày 25/6/2021 là 20.251,74USD.

Tổng số tiền gốc và lãi Công ty F còn nợ Vietcombank là 1.870.649,08USD ( Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn sáu trăm bốn mươi chín đô la không tám cent).

Trường hợp Công ty F không trả được các khoản nợ, đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Căn nhà vườn số 9, Dự án Packexim2, số 49, ngõ 15 Đường A, phường P, quận Tây Hồ, Hà Nội( Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 376846 do Sở tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho ông Ngô Minh K và bà Lương Thị Vân G ngày 01/4/2015), để thu hồi khoản nợ cho ngân hàng.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi: thông báo thụ lý vụ án, thông báo đến Tòa án trình bày ý kiến, giao nộp tài liệu chứng cứ, nhưng Bị đơn là Công ty Cổ phần F, ông Ngô Minh K và bà Lương Thị Vân G không đến Tòa án tham gia tố tụng, không đến Tòa án trình bày ý kiến giao nộp tài liệu chứng cứ.*

Tại phiên tòa: bà Lương Thị Vân G có mặt, ông Ngô Minh K vắng mặt.

*Nguyên đơn, Căn cứ:* Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HĐCV/HM/VCB.HGM-FIVE9 ngày 31/5/2019; Giấy nhận nợ 06/2019/F9VCB ngày 08/11/2019; Giấy nhận nợ 07/2019/F9VCB ngày 04/12/2019; Giấy nhận nợ 08/2019/F9VCB ngày 10/12/2019; Giấy nhận nợ 09/2019/F9VCB ngày 19/12/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 01/2018/HĐTC/VCB.HGM-FIVE9 ngày 09/02/2018; Đăng ký thế chấp ngày 09/02/2018; Biên bản làm việc ngày 25/3/2020. Vietcombank xác định: tính đến

ngày 12/10/2021, Công ty F còn nợ khoản tiền sau: nợ gốc 1.764.504,26USD( Một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm linh bốn Đô la hai mươi sáu cent), theo tỷ giá quy đổi thành Việt Nam đồng là 40.336.567.384( Bốn mươi tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng); nợ lãi tính đến ngày xét xử: 106.945.11USD( Một trăm linh sáu nghìn chín trăm bốn mươi lăm Đô la mười một cent), theo tỷ giá quy đổi thành Việt Nam đồng là 2.444.765.215đ( Hai tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm mười lăm đồng); Lãi phạt nợ gốc quá hạn tính đến 12/10/2021: 25.942.62USD( Hai mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi hai Đô la Mỹ sáu mươi hai cent) theo tỷ giá quy đổi thành Việt Nam đồng là 593.048.293đ( Năm trăm chín mươi ba triệu bốn mươi tám nghìn hai trăm chín mươi ba đồng).

Vietcombank yêu cầu Công ty F phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên.

Đại diện Vietcombank giải thích về việc số tiền vay vượt quá giá trị tài sản: Do quá trình kinh doanh, Công ty F có uy tín nên theo quy định của ngân hàng thì khi vay tiền sẽ có khoản tiền vay tín chấp, đây chính là số tiền vay vượt quá giá trị tài sản bảo đảm.

Trường hợp Công ty F không trả được các khoản nợ, đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Căn nhà vườn số 9, Dự án Packexim2, số 49, ngõ 15 Đường A, phường P, quận Tây Hồ, Hà Nội( Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 376846 do Sở tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho ông Ngô Minh K và bà Lương Thị Vân G ngày 01/4/2015), để thu hồi khoản nợ cho ngân hàng.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không thu hồi hết khoản nợ, đề nghị Tòa án buộc công ty F tiếp tục có nghĩa vụ trả.

*2. Tại phiên tòa, anh Ngô Minh K vắng mặt, chị Lương Thị Vân G có mặt trình bày:* Các thông báo của Tòa án gửi đến nhà chị, đều do anh K nhận, anh K dấu, không nói với chị nên chị không biết. Gần đây, khi không dấu được thì anh K mới cho chị biết việc Tòa án thông báo đến Tòa để giải quyết việc thế chấp tài sản của vợ chồng chị. Vợ chồng chị đều đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa, chị không có tài liệu chứng cứ nào để nộp cho Tòa án.

Về việc thế chấp tài sản, chị trình bày như sau: anh K( chồng chị) và ông Nguyễn Trọng H ( giám đốc Công ty F) là bạn nhiều năm. Năm 2018, do nhu cầu vốn kinh doanh, ông H đã đặt vấn đề mượn vợ chồng chị Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Căn nhà vườn số 9, Dự án Packexim2, số 49, ngõ 15 Đường A để thế chấp vay

vốn ngân hàng. Do tin tưởng bạn, nghĩ rằng Công ty F làm ăn có uy tín, nên vợ chồng chị đã đồng ý ký hợp đồng thế chấp để Công ty F vay tiền tại Vietcombank.

Hiện nay vợ chồng chị được biết Công ty F đã ngừng hoạt động, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trọng H đã bỏ trốn đi nước ngoài. Chị cho rằng ông H đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của vợ chồng chị.

Tại phiên tòa, chị G có nguyện vọng mong muốn hòa giải với ngân hàng với nội dung như sau: chị đề nghị ngân hàng để vợ chồng chị trả nợ thay Công ty Five9 số tiền tương đương với 70% giá trị nhà đất thế chấp( Tương đương khoảng 13 tỷ đồng). Sau khi vợ chồng chị trả đủ số tiền khoảng 13 tỷ đồng, ngân hàng trả lại vợ chồng chị giấy tờ nhà.

*Đại diện ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với ý kiến hòa giải của chị G vì vượt quá thẩm quyền của chi nhánh ngân hàng.*

3. *Đại diện VKSND quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và việc tuân theo pháp luật của các đương sự; Đồng thời đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:*

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:*

+ Việc thụ lý vụ án kinh doanh thương mại “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tài liệu điều tra đã đầy đủ.

+ Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án theo thông báo, nên vụ án bị kéo dài quá thời hạn quy định.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng. Việc xét xử vắng mặt bị đơn đúng quy định.

*Đề xuất hướng giải quyết vụ án:* Căn cứ: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HĐCV/HM/VCB.HGM-FIVE9 ngày 31/5/2019 Giấy nhận nợ 06/2019/F9VCB ngày 08/11/2019; Giấy nhận nợ 07/2019/F9VCB ngày 04/12/2019; Giấy nhận nợ 08/2019/F9VCB ngày 10/12/2019; Giấy nhận nợ 09/2019/F9VCB ngày 19/12/2019; Biên bản làm việc ngày 25/3/2020: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Vietcombank.

Buộc Công ty cổ phần F phải trả cho Ngân hàng TMCP N khoản tiền nợ gốc 1.764.504,26USD( Một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm linh bốn Đô la hai mươi sáu cent), tương đương 40.336.567.384( Bốn mươi tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng); nợ lãi tính đến ngày xét xử: 106.945.11USD( Một trăm linh sáu nghìn chín trăm bốn mươi

lăm Đô la mười một cent), tương đương 2.444.765.215đ( Hai tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm mười lăm đồng); Lãi phạt nợ gốc quá hạn tính đến 12/10/2021: 25.942.62USD( Hai mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi hai Đô la Mỹ sáu mươi hai cent), tương đương là 593.048.293đ( Năm trăm chín mươi ba triệu bốn mươi tám nghìn hai trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm, Công ty cổ phần F phải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong các Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết các khoản tiền vay.

Trường hợp Công ty cổ phần F không trả được các khoản nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Căn nhà vườn số 9, Dự án Packexim2, số 49, ngõ 15 Đường A, phường P, quận Tây Hồ, Hà Nội( Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 376846 do Sở tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho ông Ngô Minh K và bà Lương Thị Vân G ngày 01/4/2015).

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP N (gọi tắt là Vietcombank) yêu cầu Công ty Cổ phần F ( gọi tắt là Công ty F), phải thanh toán trả các khoản tiền nợ gốc+ Lãi suất theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HĐCV/HM/VCB.HGM-FIVE9 ngày 31/5/2019 cùng các Giấy nhận nợ đã ký kết. Tại khoản 11.2 Điều 11 Hợp đồng hạn mức tín dụng, Vietcombank và Công ty F thỏa thuận tòa án giải quyết là nơi có trụ sở của Vietcombank chi nhánh Hoàng Mai(phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội). Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại “ Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Tại phiên tòa, Công ty F, anh Ngô Minh K vắng mặt lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các thông báo của Tòa án tại địa chỉ đăng ký doanh nghiệp của Công ty F, tại địa chỉ của anh Ngô Minh K và chị Lương Thị Vân G nhưng Công ty F và anh K, chị G không đến Tòa án trình bày ý kiến, giao nộp tài liệu chứng cứ. Vì vậy, được coi là bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ bỏ quyền được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại Tòa án. Hội đồng xét xử

căn cứ lời trình bày, tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa chị G có mặt trình bày lý do không đến Tòa án là do anh K nhận giấy báo của Tòa án nhưng giấu không báo cho chị biết, sau này chị mới được biết việc Tòa án đang chuẩn bị xét xử vụ án nên chị đến tham gia đầy đủ. Tại phiên tòa, chị Giang cũng không có tài liệu chứng cứ nào để nộp cho Hội đồng xét xử.

## **[2]. Về nội dung vụ án:**

[2.1] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn nộp. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 31/5/2019, Công ty F và Vietcombank ký kết Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HĐCV/HM/VCB.HGM-FIVE9. Theo hợp đồng, hạn mức cho vay của Công ty F là 50 tỷ đồng; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Mục đích vay vốn: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; Đồng tiền cho vay là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ; Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn là 130% lãi suất cho vay trong hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là Căn nhà vườn số 9, dự án Packexim, số 49 ngõ 15 đường A, phường P, quận Tây Hồ, Hà Nội, theo Hợp đồng thế chấp số 101318 ký ngày 09/02/2018, giữa Ngân hàng và ông Ngô Minh K, bà Lương Thị Vân G. Giải quyết tranh chấp: tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam nơi Ngân hàng TMCP N, chi nhánh Hoàng Mai có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện.

Thực hiện hợp đồng, Vietcombank đã giải ngân cho Công ty F số tiền vay theo các Giấy nhận nợ cụ thể như sau:

Giấy nhận nợ 09/2019/F9VCB ngày 19/12/2019: số tiền vay 500.000USD ( Năm trăm nghìn Đô la Mỹ); Thời hạn vay 06 tháng; Lãi suất cố định 3,6%/năm. Khoản nợ này, Công ty Five9 không trả được đồng gốc nào. Đến ngày khởi kiện, Công ty F còn nợ khoản nợ gốc 500.000USD( Năm trăm nghìn Đô la Mỹ).

Giấy nhận nợ 08/2019/F9VCB ngày 10/12/2019: số tiền vay 700.000USD ( Bảy trăm nghìn Đô la Mỹ); Thời hạn vay 06 tháng; Lãi suất cố định 3,6%/năm. Khoản nợ này, Công ty F không trả được đồng gốc nào. Đến ngày khởi kiện, Công ty F còn nợ khoản nợ gốc 700.000USD( Bảy trăm nghìn Đô la Mỹ).

Giấy nhận nợ 07/2019/F9VCB ngày 04/12/2019: số tiền vay 400.000USD ( Bốn trăm nghìn Đô la Mỹ); Thời hạn vay 06 tháng; Lãi suất cố định 3,6%/năm.

Khoản nợ này, Công ty F không trả được đồng gốc nào. Đến ngày khởi kiện, Công ty F còn nợ khoản nợ gốc 400.000USD( Bốn trăm nghìn Đô la Mỹ).

Giấy nhận nợ 06/2019/F9VCB ngày 08/11/2019: số tiền vay 520.000USD ( Năm trăm hai mươi nghìn Đô la Mỹ); Thời hạn vay 06 tháng; Lãi suất cố định 3,6%/năm. Đến hạn trả nợ, Công ty F không trả hết được khoản nợ gốc, lãi theo thỏa thuận. Đến ngày khởi kiện, Công ty F còn nợ khoản nợ gốc 164.504.26USD( Một trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm linh bốn Đô la Mỹ hai mươi sáu Cent).

Xét các thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên đương sự. Căn cứ tài liệu do Vietcombank, cung cấp: quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty F đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi của các khế ước nhận nợ. Vì vậy Vietcombank khởi kiện Công ty F là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng: Buộc Công ty F phải trả Vietcombank các khoản nợ.

Căn cứ tài liệu do Vietcombank cung cấp, xác định đến thời điểm mới phiên tòa, Công ty F còn nợ Vietcombank khoản tiền sau: nợ gốc: 1.764.504,26USD( Một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm linh bốn Đô la hai mươi sáu cent), quy đổi thành Việt Nam đồng là 40.336.567.384( Bốn mươi tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng); nợ lãi tính đến ngày xét xử: 106.945.11USD( Một trăm linh sáu nghìn chín trăm bốn mươi lăm Đô la mười một cent), quy đổi thành Việt Nam đồng là 2.444.765.215đ( Hai tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm mười lăm đồng); Lãi phạt nợ gốc quá hạn tính đến 12/10/2021: 25.942.62USD( Hai mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi hai Đô la Mỹ sáu mươi hai cent), quy đổi thành Việt Nam đồng là 593.048.293đ( Năm trăm chín mươi ba triệu bốn mươi tám nghìn hai trăm chín mươi ba đồng).

Tổng số tiền nợ: 43.374.380.892đ( Bốn mươi ba tỷ ba trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm, Công ty F phải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong các Giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán hết các khoản tiền vay.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở, số 01/2018/HĐTC/VCB-HGM- FIVE9 ký kết ngày 09/02/2018 tại Phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội:

Nội dung hợp đồng thể hiện: ông Ngô Minh K, bà Lương Thị Vân G là chủ sở hữu sử dụng nhà đất tại Căn nhà vườn số 9, Dự án Packexim2, số 49, ngõ 15 Đường A,



phường P, quận Tây Hồ, Hà Nội( Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 376846 do Sở tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho ông Ngô Minh K và bà Lương Thị Vân G ngày 01/4/2015).

Ông K, bà G dùng toàn bộ tài sản trên để bảo đảm cho khoản vay của Công ty F tại Vietcombank. Hợp đồng được công chứng, tài sản đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội ngày 09/02/2018. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ: Hợp đồng thế chấp đã có hiệu lực pháp luật. Trường hợp Công ty F không trả được khoản vay, Vietcombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ.

[3]Về án phí: Vietcombank không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Vietcombank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 80.000.000đ( Tám mươi triệu đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 03824 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Công ty F phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm e khoản 1.4 Điều 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể là:  $112.000.000đ + 0,1\% \times 39.374.380.892đ = 151.374.380đ$  (Một trăm năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi đồng ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Bồi các lễ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 91, Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 192; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm e khoản 1.4 Điều 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N, về việc yêu cầu Công ty cổ phần F phải trả các khoản nợ vay theo các Giấy nhận nợ, gồm: Giấy nhận nợ 06/2019/F9VCB ngày 08/11/2019; Giấy nhận nợ 07/2019/F9VCB ngày 04/12/2019; Giấy nhận nợ 08/2019/F9VCB ngày 10/12/2019; Giấy nhận nợ 09/2019/F9VCB ngày 19/12/2019.

Buộc Công ty cổ phần F phải trả cho Ngân hàng TMCP N các khoản tiền: Nợ gốc 1.764.504,26USD( Một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm linh bốn Đô la Mỹ hai mươi sáu cent), quy đổi thành Việt Nam đồng là 40.336.567.384( Bốn mươi tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng); nợ lãi tính đến ngày xét xử: 106.945.11USD( Một trăm linh sáu nghìn chín trăm bốn mươi lăm Đô la Mỹ mười một cent), quy đổi thành Việt Nam đồng là 2.444.765.215đ( Hai tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm mười lăm đồng); Lãi phạt nợ gốc quá hạn tính đến 12/10/2021: 25.942.62USD( Hai mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi hai Đô la Mỹ sáu mươi hai cent), quy đổi thành Việt Nam đồng là 593.048.293đ( Năm trăm chín mươi ba triệu bốn mươi tám nghìn hai trăm chín mươi ba đồng).

Tổng số tiền Công ty cổ phần F phải trả cho Ngân hàng TMCP N quy đổi ra Việt Nam đồng là: 43.374.380.892đ( Bốn mươi ba tỷ ba trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm, Công ty cổ phần F phải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong các Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết các khoản tiền vay.

[2] Trường hợp Công ty cổ phần F không trả được các khoản nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Căn nhà vườn số 9, Dự án Packexim2, số 49, ngõ 15 Đường A, phường P, quận Tây Hồ, Hà Nội( Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 376846 do Sở tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho ông Ngô Minh K và bà Lương Thị Vân G ngày 01/4/2015).

[3] Về án phí: Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 80.000.000đ( Tám mươi triệu đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 03824 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Công ty cổ phần F phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 151.374.380đ (Một trăm năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi đồng ).

[4]Ngân hàng TMCP N, chị Lương Thị Vân G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty cổ phần F, anh Ngô Minh K vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Liên Sơn**